



# 2023恒生「新一代」乒乓球大比拼

## 男子B組 (8歲組) - 賽程表

### 地點：香港公園體育館



1	胡頌庭	胡頌庭			
X	-				
X	-	張正言			
4	張正言				
5	李昇睿	李昇睿			
X	-				
X	-	張心朗			
8	張心朗				
9	陳煜	陳煜			
X	-				
11	葉偉廷 BB-1 / 2-Oct / 09:30 / T0				
12	謝承軒				
13	張灝陽	張灝陽			
X	-				
X	-	歐陽智勳			
16	歐陽智勳				
17	林逸楓	林逸楓			
X	-				
X	-	楊明熹			
20	楊明熹				
21	梁學懿 BB-2 / 2-Oct / 09:30 / T0				
22	劉康傑				
X	-	周遨軒			
24	周遨軒				
25	高晉熙	高晉熙			
X	-				
27	章永鏗 BB-3 / 2-Oct / 09:30 / T0				
28	連君翹				
29	余熙佑	余熙佑			
X	-				
X	-	王瞻佑			
32	王瞻佑				

BB-30 / 2-Oct / 11:10 / T0

BB-94 / 2-Oct / 13:15 / T0

BB-31 / 2-Oct / 11:10 / T0

BB-Q-1

BB-126 / 2-Oct / 15:00 / T0

BB-32 / 2-Oct / 11:10 / T0

BB-95 / 2-Oct / 13:15 / T0

BB-33 / 2-Oct / 11:10 / T0

BB-96 / 2-Oct / 13:15 / T0

BB-35 / 2-Oct / 11:10 / T0

BB-Q-2

BB-127 / 2-Oct / 15:00 / T0

BB-36 / 2-Oct / 11:35 / T0

BB-97 / 2-Oct / 13:15 / T0

BB-37 / 2-Oct / 11:35 / T0



# 2023恒生「新一代」乒乓球大比拼

## 男子B組 (8歲組) - 賽程表

地點：香港公園體育館



33	潘煒陶	潘煒陶			
x	-				
x	-	曾國謙			
36	曾國謙				
37	文正德				
38	吳日朗				
x	-	連澤行			
40	連澤行				
41	李純一	李純一			
x	-				
43	黃梓桐				
44	李浩熙				
45	倪永鍵	倪永鍵			
x	-				
x	-	陳學霖			
48	陳學霖				
49	周禮安	周禮安			
x	-				
x	-	單柏曦			
52	單柏曦				
53	陳韋峻				
54	譚程熹				
x	-	李皓朗			
56	李皓朗				
57	江尚然	江尚然			
x	-				
59	譚博謙				
60	梁程謙				
61	黃偉謙	黃偉謙			
x	-				
x	-	莊浩然			
64	莊浩然				

BB-38 / 2-Oct / 11:35 / T0

BB-98 / 2-Oct / 13:15 / T0

BB-39 / 2-Oct / 11:35 / T0

BB-128 / 2-Oct / 15:00 / T0

BB-40 / 2-Oct / 11:35 / T0

BB-99 / 2-Oct / 13:15 / T0

BB-41 / 2-Oct / 11:35 / T0

BB-42 / 2-Oct / 11:35 / T0

BB-100 / 2-Oct / 13:15 / T0

BB-43 / 2-Oct / 11:35 / T0

BB-129 / 2-Oct / 15:00 / T0

BB-44 / 2-Oct / 11:35 / T0

BB-101 / 2-Oct / 13:15 / T0

BB-45 / 2-Oct / 11:35 / T0

BB-Q-3

BB-Q-4

BB-4 / 2-Oct / 09:30 / T0

BB-5 / 2-Oct / 09:55 / T0

BB-6 / 2-Oct / 09:55 / T0

BB-7 / 2-Oct / 09:55 / T0

2023恒生「新一代」乒乓球大比拼

男子B組 (8歲組) - 賽程表

地點：香港公園體育館



65	林卓熹	林卓熹			
x	-				
x	-	BB-46 / 2-Oct / 11:35 / T0			
68	黃梓朗	黃梓朗			
69	吳毅		BB-102 / 2-Oct / 13:15 / T0		
70	楊澤寧				
x	-	BB-47 / 2-Oct / 11:35 / T0			
72	陳羿霖	陳羿霖			BB-Q-5
73	吳栢耀	吳栢耀			
x	-				
75	吳澤熙	BB-48 / 2-Oct / 12:00 / T0			
76	黃諾熹				
77	周梓濠	周梓濠	BB-103 / 2-Oct / 13:15 / T0		
x	-				
x	-	BB-49 / 2-Oct / 12:00 / T0			
80	吳思譽	吳思譽			
81	李逸曦	李逸曦			
x	-				
x	-	BB-50 / 2-Oct / 12:00 / T0			
84	王瞻德	王瞻德			
85	李宗羲		BB-104 / 2-Oct / 13:40 / T0		
86	余汶闊				
x	-	BB-51 / 2-Oct / 12:00 / T0			
88	蕭溢星	蕭溢星			BB-Q-6
89	容靖棋	容靖棋			
x	-				
91	莫子桓				
92	王泊衡		BB-105 / 2-Oct / 13:40 / T0		
93	薛靖衡	薛靖衡			
x	-				
x	-	BB-53 / 2-Oct / 12:00 / T0			
96	李浚灝	李浚灝			



# 2023恒生「新一代」乒乓球大比拼

## 男子B組 (8歲組) - 賽程表

### 地點：香港公園體育館



97	曾顯哲	曾顯哲			
X	-				
		BB-54 / 2-Oct / 12:00 / T0			
X	-				
		鄭皓聰			
100	鄭皓聰				
			BB-106 / 2-Oct / 13:40 / T0		
101	江心懋				
	BB-12 / 2-Oct / 09:55 / T0				
102	林子宏				
		BB-55 / 2-Oct / 12:00 / T0			
X	-				
		李俊毅			
104	李俊毅				BB-Q-7
			BB-132 / 2-Oct / 15:00 / T0		
105	高梓洋	高梓洋			
X	-				
		BB-56 / 2-Oct / 12:00 / T0			
107	黃也至				
	BB-13 / 2-Oct / 09:55 / T0				
108	胡智樂				
			BB-107 / 2-Oct / 13:40 / T0		
109	黃諾勤	黃諾勤			
X	-				
		BB-57 / 2-Oct / 12:00 / T0			
X	-				
		梁晉			
112	梁晉				
113	彭喬山	彭喬山			
X	-				
		BB-58 / 2-Oct / 12:00 / T0			
X	-				
		林廣覺			
116	林廣覺				
			BB-108 / 2-Oct / 13:40 / T0		
117	許君灝				
	BB-14 / 2-Oct / 09:55 / T0				
118	詹皓一				
		BB-59 / 2-Oct / 12:00 / T0			
X	-				
		李汶駿			
120	李汶駿				BB-Q-8
			BB-133 / 2-Oct / 15:00 / T0		
121	鄭丞博	鄭丞博			
X	-				
		BB-60 / 2-Oct / 12:25 / T0			
X	-				
		高梓鏗			
124	高梓鏗				
			BB-109 / 2-Oct / 13:40 / T0		
125	廖康盛	廖康盛			
X	-				
		BB-61 / 2-Oct / 12:25 / T0			
X	-				
		陳文廷			
128	陳文廷				



# 2023恒生「新一代」乒乓球大比拼

## 男子B組 (8歲組) - 賽程表

地點：香港公園體育館



129	趙子翟	趙子翟			
x	-		BB-62 / 2-Oct / 16:40 / T0		
x	-	羅樂熙			
132	羅樂熙			BB-110 / 2-Oct / 18:20 / T0	
133	廖浩峰				
	BB-15 / 2-Oct / 15:00 / T0				
134	彭子鍵		BB-63 / 2-Oct / 16:40 / T0		
x	-				
136	吳雋琦	吳雋琦			BB-Q-9
				BB-134 / 2-Oct / 19:35 / T0	
137	梁熙朗	梁熙朗			
x	-		BB-64 / 2-Oct / 16:40 / T0		
139	黎尉陞				
	BB-16 / 2-Oct / 15:00 / T0				
140	鄭德慈			BB-111 / 2-Oct / 18:20 / T0	
141	吳澤航	吳澤航			
x	-		BB-65 / 2-Oct / 16:40 / T0		
x	-				
144	劉卓逸	劉卓逸			
145	麥家睿	麥家睿			
x	-		BB-66 / 2-Oct / 16:40 / T0		
x	-	孫偉舜			
148	孫偉舜			BB-112 / 2-Oct / 18:20 / T0	
149	包容昕				
	BB-17 / 2-Oct / 15:00 / T0				
150	孫煒翔		BB-67 / 2-Oct / 17:05 / T0		
x	-				
152	吳晉謙	吳晉謙			BB-Q-10
				BB-135 / 2-Oct / 19:35 / T0	
153	曹智傑	曹智傑			
x	-		BB-68 / 2-Oct / 17:05 / T0		
155	梁晉維				
	BB-18 / 2-Oct / 15:00 / T0				
156	李立揚			BB-113 / 2-Oct / 18:20 / T0	
157	謝鈞濠	謝鈞濠			
x	-		BB-69 / 2-Oct / 17:05 / T0		
x	-				
160	羅文江	羅文江			



# 2023恒生「新一代」乒乓球大比拼

## 男子B組 (8歲組) - 賽程表

### 地點：香港公園體育館



161	陳映霖	陳映霖			
x	-		BB-70 / 2-Oct / 17:05 / T0		
x	-	許庭熙			
164	許庭熙			BB-114 / 2-Oct / 18:20 / T0	
165	梁睿臻				
	BB-19 / 2-Oct / 15:25 / T0				
166	楊學謙		BB-71 / 2-Oct / 17:05 / T0		
x	-				
		鄧梓雋			
168	鄧梓雋			BB-136 / 2-Oct / 19:35 / T0	BB-Q-11
169	吳泓謙	吳泓謙			
x	-		BB-72 / 2-Oct / 17:05 / T0		
171	何旨臻				
	BB-20 / 2-Oct / 15:25 / T0				
172	林子睿			BB-115 / 2-Oct / 18:45 / T0	
173	方睿明	方睿明			
x	-		BB-73 / 2-Oct / 17:05 / T0		
x	-				
		王靖翹			
176	王靖翹				
177	郭文晞	郭文晞			
x	-		BB-74 / 2-Oct / 17:05 / T0		
x	-				
		周宏銘			
180	周宏銘			BB-116 / 2-Oct / 18:45 / T0	
181	張銘澤				
	BB-21 / 2-Oct / 15:25 / T0				
182	余銘浚		BB-75 / 2-Oct / 17:05 / T0		
x	-				
		鄭皓駿			
184	鄭皓駿			BB-137 / 2-Oct / 19:35 / T0	BB-Q-12
185	謝曦瞳	謝曦瞳			
x	-		BB-76 / 2-Oct / 17:05 / T0		
187	劉濬齊				
	BB-22 / 2-Oct / 15:25 / T0				
188	郭睿謙			BB-117 / 2-Oct / 18:45 / T0	
189	陳小洋	陳小洋			
x	-		BB-77 / 2-Oct / 17:05 / T0		
x	-				
		屈子力			
192	屈子力				



2023恒生「新一代」乒乓球大比拼

男子B組 (8歲組) - 賽程表

地點：香港公園體育館



193	翁柏軒	翁柏軒		
x	-			
x	-	許鈞堯		
196	許鈞堯		BB-78 / 2-Oct / 17:05 / T0	
197	余卓翹			
	BB-23 / 2-Oct / 15:25 / T0			
198	沈家揚			
			BB-79 / 2-Oct / 17:30 / T0	
x	-			
200	嚴敬喻	嚴敬喻		BB-Q-13
201	盧頌翹	盧頌翹		
x	-			
			BB-80 / 2-Oct / 17:30 / T0	
203	馬嘉宏			
	BB-24 / 2-Oct / 15:25 / T0			
204	林樂勳			
			BB-119 / 2-Oct / 18:45 / T0	
205	陸子睿	陸子睿		
x	-			
			BB-81 / 2-Oct / 17:30 / T0	
x	-			
208	孔見樂	孔見樂		
209	翁天進	翁天進		
x	-			
			BB-82 / 2-Oct / 17:30 / T0	
x	-			
212	于焯曦	于焯曦		
			BB-120 / 2-Oct / 18:45 / T0	
213	任烜熙			
	BB-25 / 2-Oct / 15:25 / T0			
214	方灝僖			
			BB-83 / 2-Oct / 17:30 / T0	
x	-			
216	曾煥然	曾煥然		BB-Q-14
			BB-139 / 2-Oct / 19:35 / T0	
217	利神鉞	利神鉞		
x	-			
			BB-84 / 2-Oct / 17:30 / T0	
219	林嘉淳			
	BB-26 / 2-Oct / 15:25 / T0			
220	于皓謙			
			BB-121 / 2-Oct / 18:45 / T0	
221	周曉賢	周曉賢		
x	-			
			BB-85 / 2-Oct / 17:30 / T0	
x	-			
224	黃翔蔚	黃翔蔚		



# 2023恒生「新一代」乒乓球大比拼

## 男子B組 (8歲組) - 賽程表

### 地點：香港公園體育館



225	楊梓喬	楊梓喬			
X	-		BB-86 / 2-Oct / 17:30 / T0		
X	-	戴晉皓			
228	戴晉皓			BB-122 / 2-Oct / 18:45 / T0	
229	殷啟傑				
	BB-27 / 2-Oct / 15:25 / T0				
230	吳承峰		BB-87 / 2-Oct / 17:30 / T0		
X	-				
232	歐陽子天	歐陽子天			BB-Q-15
				BB-140 / 2-Oct / 19:35 / T0	
233	郭君睿	郭君睿			
X	-		BB-88 / 2-Oct / 17:30 / T0		
235	林浩廷				
	BB-28 / 2-Oct / 15:25 / T0				
236	梁卓楠			BB-123 / 2-Oct / 18:45 / T0	
237	羅文杉	羅文杉			
X	-				
X	-		BB-89 / 2-Oct / 17:30 / T0		
240	翁浚皓	翁浚皓			
241	朱益正	朱益正			
X	-				
X	-		BB-90 / 2-Oct / 17:30 / T0		
244	梅毅信	梅毅信			
				BB-124 / 2-Oct / 18:45 / T0	
245	黎睿熙				
	BB-29 / 2-Oct / 15:25 / T0				
246	朱瀚宸		BB-91 / 2-Oct / 17:55 / T0		
X	-				
248	簡綽曉	簡綽曉			BB-Q-16
				BB-141 / 2-Oct / 19:35 / T0	
249	蕭翌橋	蕭翌橋			
X	-				
X	-		BB-92 / 2-Oct / 17:55 / T0		
252	陳鼎元	陳鼎元			
				BB-125 / 2-Oct / 18:45 / T0	
253	沈政謙	沈政謙			
X	-				
X	-		BB-93 / 2-Oct / 17:55 / T0		
256	龐力行	龐力行			





2023恒生「新一代」乒乓球大比拼  
男子B組(8歲組)- 賽程表  
地點：歌和老街壁球及乒乓球中心



Stage II

BB-Q-1	#N/A				
	BB-142 / 23-Oct / 11:15 / T0				
BB-Q-2	#N/A				
		BB-150 / 23-Oct / 13:45 / T0			
BB-Q-3	#N/A				
	BB-143 / 23-Oct / 11:15 / T0				
BB-Q-4	#N/A				
			BB-154 / 23-Oct / 15:00 / T0		
BB-Q-5	#N/A				
	BB-144 / 23-Oct / 11:15 / T0				
BB-Q-6	#N/A				
		BB-151 / 23-Oct / 13:45 / T0			
BB-Q-7	#N/A				
	BB-145 / 23-Oct / 11:15 / T0				
BB-Q-8	#N/A				
				BB-156 / 23-Oct / 16:15 / T0	冠軍
BB-Q-9	#N/A				
	BB-146 / 23-Oct / 11:15 / T0				
BB-Q-10	#N/A				
		BB-152 / 23-Oct / 13:45 / T0			亞軍
BB-Q-11	#N/A				
	BB-147 / 23-Oct / 11:15 / T0				
BB-Q-12	#N/A				
			BB-155 / 23-Oct / 15:00 / T0		
BB-Q-13	#N/A				
	BB-148 / 23-Oct / 11:15 / T0				季軍
BB-Q-14	#N/A				
		BB-153 / 23-Oct / 13:45 / T0			
BB-Q-15	#N/A				
	BB-149 / 23-Oct / 11:15 / T0				第5至8名
BB-Q-16	#N/A				